Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
KHOA: GD Thể chất - Quốc phòng

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1- Năm Học 2021-2022

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh** Số tín chỉ: 5 Nhóm: 07
CBGD **Nguyễn Trung Lục**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2118130061	Phạm Nguyễn Thành	An	09/07/2000	CCQ1813B	7.7	8.0	7.7	7.0	7.0	**7.3**	
2	2118270086	Phạm Hoa	Anh	10/03/2000	CCQ1827B	7.0	7.7	8.3	9.0	7.0	**7.9**	
3	2118170158	Phan Chí	Bảo	13/06/2000	CCQ1817C	8.7	8.0	8.7	7.0	6.5	**7.5**	
4	2118130184	Nguyễn Thị Kim	Bích	28/02/2000	CCQ1813D	7.3	7.7	7.3	9.0	7.5	**7.9**	
5	2118170313	Phạm Minh	Chiến	10/11/1999	CCQ1817E	8.3	7.3	9.0	8.0	5.5	**7.4**	
6	2118140004	Lê Minh	Chính	27/04/2000	CCQ1814A	7.3	6.7	6.7	8.5	6.0	**7.1**	
7	2118140005	Phan Văn	Cường	14/09/2000	CCQ1814A	7.3	8.3	8.7	7.5	7.5	**7.8**	
8	2118170010	Nguyễn Minh	Duy	10/08/2000	CCQ1817A	6.3	6.7	8.7	8.5	5.0	**7.0**	
9	2118140066	Lê Hoàng	Đức	08/10/2000	CCQ1814B	7.7	6.3	8.0	9.0	6.0	**7.4**	
10	2118210084	Nguyễn Trọng	Đức	10/06/2000	CCQ1821B	7.7	7.7	9.0	9.5	7.0	**8.2**	
11	2118130129	Vũ Minh	Đức	10/01/1999	CCQ1813C	7.0	7.7	8.0	7.0	6.0	**7.0**	
12	2118200190	Đào Đông	Hạ	04/11/2000	CCQ1820C	7.0	8.0	9.3	10.0	7.0	**8.3**	
13	2118130249	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	14/04/2000	CCQ1813E	6.3	6.3	9.0	7.0	7.5	**7.2**	
14	2118070063	Phạm Thị	Hằng	10/10/2000	CCQ1807B	7.3	8.0	8.0	10.0	8.0	**8.5**	
15	2118170335	Hoàng Ngọc	Hiếu	07/10/2000	CCQ1817E	5.7	7.7	9.3	8.0	5.5	**7.1**	
16	2118210096	Ngô Thị Minh	Hồng	10/06/2000	CCQ1821B	7.0	9.3	9.0	7.0	7.5	**7.8**	
17	2118050026	Lý Đức	Kỳ	13/11/1999	CCQ1805A	4.7	9.3	9.3	9.0	8.0	**8.2**	
18	2117210259	Huỳnh Thị	Lành	03/06/1999	CCQ1721D	6.7	7.0	8.3	10.0	6.5	**7.9**	
19	2118210162	Đồng Thị Mỹ	Liễu	13/11/1997	CCQ1821C	6.7	7.3	6.7	9.5	6.0	**7.4**	
20	2118200038	Trần Thị	Linh	22/11/2000	CCQ1820A	9.7	8.3	9.3	8.0	6.5	**8.0**	
21	2118170351	Nguyễn Sơn	Lộc	05/03/2000	CCQ1817E	7.3	7.0	8.0	6.0	7.0	**6.9**	
22	2117160009	Phạm Văn	Lộc	19/01/1999	CCQ1716A	7.3	7.7	7.3	2.0	8.0	**6.0**	
23	2118030232	Lưu Thái Tùng	Minh	12/10/1999	CCQ1803D	7.0	7.7	7.7	9.0	7.5	**7.9**	
24	2117170426	Nguyễn Văn	Minh	10/10/1999	CCQ1717F	4.3	8.3	7.3	10.0	8.5	**8.1**	
25	2118050177	Nguyễn Hoàng	Nam	27/08/2000	CCQ1805C	6.7	7.7	7.0	7.0	7.5	**7.2**	

26	2118110287	Nguyễn Thành	Nam	06/11/2000	CCQ1812I	6	8.7	7.3	9	8	**8.0**	
27	2117120377	Phạm Văn	Nam	23/11/1999	CCQ1712F	7.3	6.7	6.7	10.0	8.0	**8.1**	
28	2118180033	Phạm Văn	Nam	08/01/2000	CCQ1818A	7.3	8.0	8.7	8.0	6.5	**7.6**	
29	2118240027	Trần Thị Bích	Ngọc	24/07/1999	CCQ1824A	6.3	7.3	7.3	10.0	8.0	**8.1**	
30	2118070031	Trần Thị Mỹ	Ninh	25/10/2000	CCQ1807A	6.3	7.0	7.3	9.0	7.0	**7.5**	
31	2118140030	Trần Hoàng	Phi	18/07/2000	CCQ1814A	5.3	5.0	8.0	10.0	7.0	**7.5**	
32	2118170364	Trương Nhứt	Phi	22/03/2000	CCQ1817E	7.3	7.7	8.3	7.0	6.5	**7.2**	
33	2118110051	Hồ Văn	Phong	15/03/2000	CCQ1811A	6.7	6.0	6.3	9.0	7.0	**7.3**	
34	2118030238	Hoàng Văn	Phúc	14/04/2000	CCQ1803D	7.3	7.7	8.3	9.0	6.5	**7.8**	
35	2118210110	Trần Diễm	Phương	30/06/2000	CCQ1821B	7.7	8.3	8.3	9.5	7.5	**8.3**	
36	2118140033	Lê Đình	Quốc	01/04/2000	CCQ1814A	5.0	8.0	7.3	9.0	8.0	**7.8**	
37	2118160026	Bùi Trọng	Tâm	04/09/1998	CCQ1816A	6.7	8.0	7.7	3.0	6.0	**5.8**	
38	2118170059	Phạm Tự	Tâm	20/09/2000	CCQ1817A	6.3	5.0	8.0	8.0	7.0	**7.0**	
39	2118170060	Võ Công	Thành	25/08/2000	CCQ1817A	6.7	6.0	5.7	9.0	7.0	**7.2**	
40	2118050053	Lương Quang	Thông	10/01/2000	CCQ1805A	7.3	6.7	9.3	7.0	6.0	**7.0**	
41	2118140041	Hồ Văn	Thống	11/03/2000	CCQ1814A	8.0	7.7	8.0	7.0	6.0	**7.1**	
42	2119110301	Võ Minh	Thuận		CCQ1911I							
43	2118170066	Lê Hoàng	Thức	23/09/1999	CCQ1817A	6.7	7.7	9.3	10.0	6.0	**8.0**	
44	2117210220	Nguyễn Huỳnh Thùy	Trang	07/05/1999	CCQ1721C	6.3	6.7	5.3	8.0	7.0	**6.9**	
45	2117150069	Nguyễn Hữu	Triệu	20/04/1996	CCQ1715A	7.7	6.0	9.7	9.5	6.0	**7.8**	
46	2118030253	Hồ Minh	Trình	28/03/2000	CCQ1803D	7.0	7.7	7.0	10.0	7.0	**8.0**	
47	2118180045	Trương Hữu	Trọng	30/03/2000	CCQ1818A	4.7	5.7	8.3	7.0	6.5	**6.5**	
48	2118210061	Trần Thị Thanh	Trúc	10/07/2000	CCQ1821A	7.7	7.3	7.3	9.0	6.5	**7.6**	
49	2117170071	Phạm Quan	Tứ	01/01/1999	CCQ1717A	7.3	6.3	7.0	9.5	6.5	**7.5**	
50	2118200169	Lê Thị Khánh	Uyên	24/09/2000	CCQ1820B	7.3	7.3	8.7	9.5	7.0	**8.0**	
51	2119240228	Trần Thị Hồng	Vân	13/04/2001	CCQ1924H	6.0	4.3	6.0	9.0	6.5	**6.8**	
52	2117110275	Nguyễn Quốc	Việt	09/04/1999	CCQ1711D	7.0	5.3	6.3	4.0	6.5	**5.7**	
53	2119260315	Võ Hoài	Vinh		CCQ1926H							

Tp. Thủ Đức, ngày 18 tháng 10 năm 2021

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
KHOA: GD Thể chất - Quốc phòng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI

Học Kỳ 1 - Năm Học 2021-2022

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh** Số tín chỉ: 5 Nhóm: 07

CBGD **Nguyễn Trung Lục**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm QT	Thi	Điểm TK	Ghi chú
1	2118130061	Phạm Nguyễn Thành	An	07/09/2000	CCQ1813B	7.3	8.0	7.7	
2	2118270086	Phạm Hoa	Anh	03/10/2000	CCQ1827B	7.9	7.8	7.8	
3	2118170158	Phan Chí	Bảo	13/06/2000	CCQ1817C	7.5	8.8	8.3	
4	2118130184	Nguyễn Thị Kim	Bích	28/02/2000	CCQ1813D	7.9	7.4	7.6	
5	2118170313	Phạm Minh	Chiến	11/10/1999	CCQ1817E	7.4	8.4	8.0	
6	2118140004	Lê Minh	Chính	27/04/2000	CCQ1814A	7.1	7.4	7.3	
7	2118140005	Phan Văn	Cường	14/09/2000	CCQ1814A	7.8	8.4	8.2	
8	2118170010	Nguyễn Minh	Duy	08/10/2000	CCQ1817A	7	8.2	7.7	
9	2118140066	Lê Hoàng	Đức	10/08/2000	CCQ1814B	7.4	7.6	7.5	
10	2118210084	Nguyễn Trọng	Đức	06/10/2000	CCQ1821B	8.2	6.8	7.4	
11	2118130129	Vũ Minh	Đức	01/10/1999	CCQ1813C	7	8.4	7.8	
12	2118200190	Đào Đông	Hạ	11/04/2000	CCQ1820C	8.3	8.0	8.1	
13	2118130249	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	14/04/2000	CCQ1813E	7.2	8.0	7.7	
14	2118070063	Phạm Thị	Hằng	10/10/2000	CCQ1807B	8.5	8.0	8.2	
15	2118170335	Hoàng Ngọc	Hiếu	10/07/2000	CCQ1817E	7.1	7.6	7.4	
16	2118210096	Ngô Thị Minh	Hồng	06/10/2000	CCQ1821B	7.8	9.4	8.8	
17	2118050026	Lý Đức	Kỳ	13/11/1999	CCQ1805A	8.2	9.8	9.2	
18	2117210259	Huỳnh Thị	Lành	06/03/1999	CCQ1721D	7.9	7.6	7.7	
19	2118210162	Đổng Thị Mỹ	Liễu	13/11/1997	CCQ1821C	7.4	8.0	7.8	
20	2118200038	Trần Thị	Linh	22/11/2000	CCQ1820A	8	9.8	9.1	
21	2118170351	Nguyễn Sơn	Lộc	03/05/2000	CCQ1817E	6.9	7.8	7.4	
22	2117160009	Phạm Văn	Lộc	19/01/1999	CCQ1716A	6	6.6	6.4	
23	2118030232	Lưu Thái Tùng	Minh	10/12/1999	CCQ1803D	7.9	7.4	7.6	

24	2117170426	Nguyễn Văn	Minh	10/10/1999	CCQ1717F	**8.1**	**7.4**	**7.7**	
25	2118050177	Nguyễn Hoàng	Nam	27/08/2000	CCQ1805C	**7.2**	**7.6**	**7.4**	
26	2118110287	Nguyễn Thành	Nam	11/06/2000	CCQ1812I	**8**	**8.0**	**8.0**	
27	2117120377	Phạm Văn	Nam	23/11/1999	CCQ1712F	**8.1**	**7.2**	**7.6**	
28	2118180033	Phạm Văn	Nam	01/08/2000	CCQ1818A	**7.6**	**8.0**	**7.8**	
29	2118240027	Trần Thị Bích	Ngọc	24/07/1999	CCQ1824A	**8.1**	**6.4**	**7.1**	
30	2118070031	Trần Thị Mỹ	Ninh	25/10/2000	CCQ1807A	**7.5**	**7.0**	**7.2**	
31	2118140030	Trần Hoàng	Phi	18/07/2000	CCQ1814A	**7.5**	**8.4**	**8.0**	
32	2118170364	Trương Nhứt	Phi	22/03/2000	CCQ1817E	**7.2**	**7.4**	**7.3**	
33	2118110051	Hồ Văn	Phong	15/03/2000	CCQ1811A	**7.3**	**8.0**	**7.7**	
34	2118030238	Hoàng Văn	Phúc	14/04/2000	CCQ1803D	**7.8**	**7.4**	**7.6**	
35	2118210110	Trần Diễm	Phương	30/06/2000	CCQ1821B	**8.3**	**8.8**	**8.6**	
36	2118140033	Lê Đình	Quốc	04/01/2000	CCQ1814A	**7.8**	**7.6**	**7.7**	
37	2118160026	Bùi Trọng	Tâm	09/04/1998	CCQ1816A	**5.8**	**7.4**	**6.8**	
38	2118170059	Phạm Tự	Tâm	20/09/2000	CCQ1817A	**7**	**7.8**	**7.5**	
39	2118170060	Võ Công	Thành	25/08/2000	CCQ1817A	**7.2**	**8.2**	**7.8**	
40	2118050053	Lương Quang	Thông	01/10/2000	CCQ1805A	**7**	**9.8**	**8.7**	
41	2118140041	Hồ Văn	Thống	03/11/2000	CCQ1814A	**7.1**	**8.4**	**7.9**	
42	2119110301	Võ Minh	Thuận		CCQ1911I			**0.0**	
43	2118170066	Lê Hoàng	Thức	23/09/1999	CCQ1817A	**8**	**8.2**	**8.1**	
44	2117210220	Nguyễn Huỳnh Thùy	Trang	05/07/1999	CCQ1721C	**6.9**	**5.2**	**5.9**	
45	2117150069	Nguyễn Hữu	Triệu	20/04/1996	CCQ1715A	**7.8**	**9.8**	**9.0**	
46	2118030253	Hồ Minh	Trình	28/03/2000	CCQ1803D	**8**	**7.8**	**7.9**	
47	2118180045	Trương Hữu	Trọng	30/03/2000	CCQ1818A	**6.5**	**7.2**	**6.9**	
48	2118210061	Trần Thị Thanh	Trúc	07/10/2000	CCQ1821A	**7.6**	**7.6**	**7.6**	
49	2117170071	Phạm Quan	Tứ	01/01/1999	CCQ1717A	**7.5**	**7.0**	**7.2**	
50	2118200169	Lê Thị Khánh	Uyên	24/09/2000	CCQ1820B	**8**	**7.6**	**7.8**	
51	2119240228	Trần Thị Hồng	Vân	13/04/2001	CCQ1924H	**6.8**	**6.8**	**6.8**	
52	2117110275	Nguyễn Quốc	Việt	04/09/1999	CCQ1711D	**5.7**	**6.8**	**6.4**	
53	2119260315	Võ Hoài	Vinh		CCQ1926H			**0.0**	

Tp. Thủ Đức, ngày 18 tháng 10 năm 2021

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục